

TRUNG TÂM
THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH
Tuần 12 (18/3-22/3/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: GDP 2024 dự báo đạt 2,1%.
- Khu vực EURO: Lạm phát giảm tốc xuống mức thấp nhất 3 tháng, cán cân thương mại chuyển thặng dư.
- Nhật Bản: Cả lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm (JGB) và đồng Yên (JPY) đều giảm dù NHTW đảo chiều chính sách; Sản lượng công nghiệp (IP) giảm tháng thứ 3 liên tiếp.
- Trung Quốc: Doanh thu bán lẻ tăng vượt dự báo, Sản lượng công nghiệp (IP) vượt dự báo, Thất nghiệp tăng 5,3% trong giai đoạn tháng 1&2/2024 - đây là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 7/2023.
- Fed chưa cắt giảm lãi suất; sẽ có 3 đợt hạ lãi suất trong năm 2024;
- BOJ lần đầu tăng lãi suất sau 17 năm.
- PBoC: Giữ nguyên lãi suất cho vay ngắn hạn 1 năm.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- Chính phủ yêu cầu khẩn trương thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ thị trường vàng.
- Lãi suất VND liên ngân hàng giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn.
- Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa kỳ 1 tháng 3/2024 thặng dư 1,16 tỷ USD.
- Gói tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư cũ với lãi suất giảm 1,5 - 2,0%/năm.
- Kho bạc Nhà nước huy động thành công 6.095 tỷ đồng/13.500 tỷ đồng trái phiếu chính phủ gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu là 45%.
- Standard Chartered dự báo tăng trưởng GDP quý I của Việt Nam đạt 6,1%.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	0,13	-3,59	4,11	-6,07
1 Tuần	0,48	-6,56	7,87	-14,76
2 Tuần	1,18	-6,43	9,26	-15,38
1 Tháng	1,58	-1,81	8,57	-11,35
3 Tháng	2,77	-3,36	9,12	-13,27
6 Tháng	4,3	2,84	8,46	-8,08
9 Tháng	4,07	-19,87	30,32	-46,21

Ghi chú: Ngày áp dụng 21/03/2024

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
18/03/2024	28		12/12	14.999,9	1,4
19/03/2024	28		13/10	10.000	1,35
20/03/2024	28		11/11	15.000	1,34
21/03/2024	28		11/11	15.000	1,32
22/03/2024	28		6/6	14.700	1,7

Ghi chú: Ngày áp dụng 21/03/2024

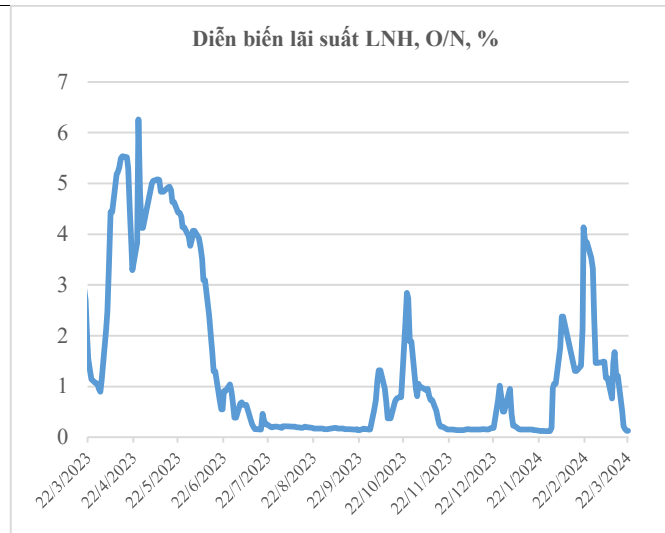
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 12 (18/03-22/03/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,89		0,67			
Tỷ lệ trúng thầu		69%		45%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	22.250		3.000			
3	7 Năm	-		-			
4	10 Năm	39.250		5.000			
5	15 Năm	35.750		5.000			
6	20 Năm	2.500		-			
7	30 Năm	5.750		500			
	Tổng	105.500		13.500			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	35.566	1,3	1.000	1,75		
3	7 Năm	-		-			
4	10 Năm	92.680	2,08	4.496	2,36		
5	15 Năm	57.734	2,28	3.500	2,59		
6	20 Năm	3.670	2,6	-			
7	30 Năm	9.665	2,8	100	3,15		
	Tổng	199.315		9.096			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần trước	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	14.750	1,37	-	-	-	-0,03
3	7 Năm	-		-			
4	10 Năm	29.923	2,15	3.095	2,39	+0,03	+0,24
5	15 Năm	24.716	2,35	3.000	2,59	+0,03	+0,24
6	20 Năm	1.170	2,65	-	-		
7	30 Năm	2.215	2,85	-	-	-	-
	Tổng	72.774		6.095			

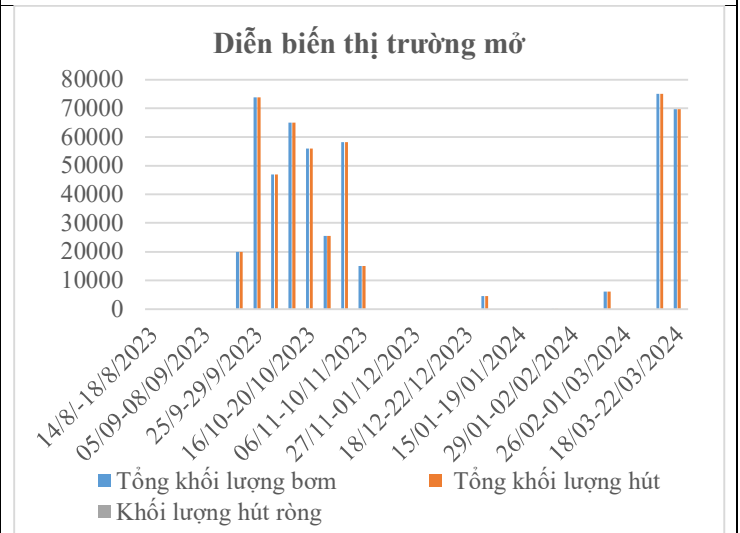
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

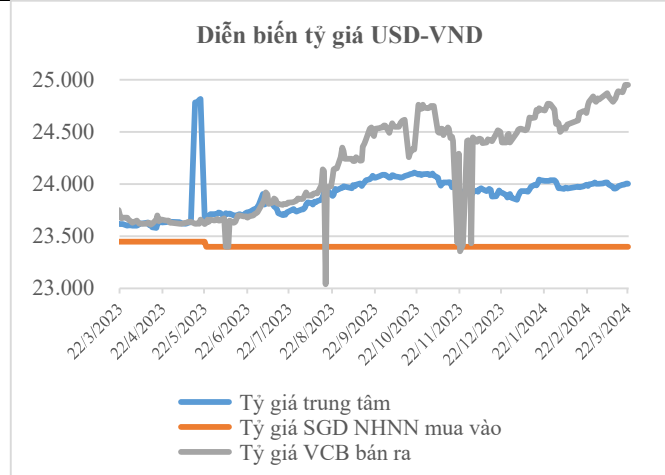


Nguồn: NHNN

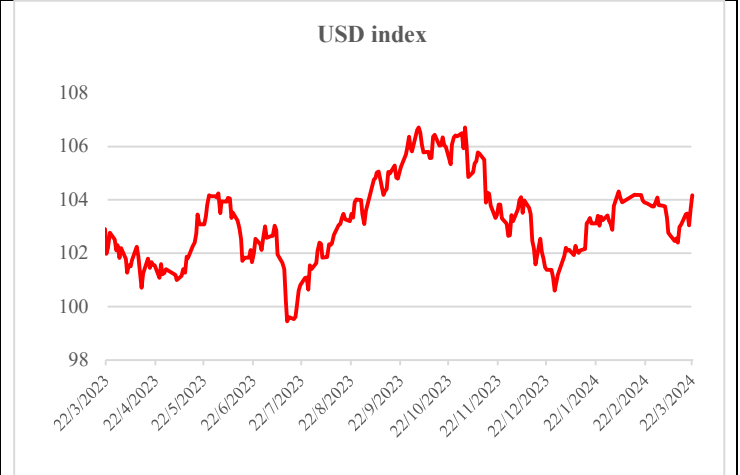


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

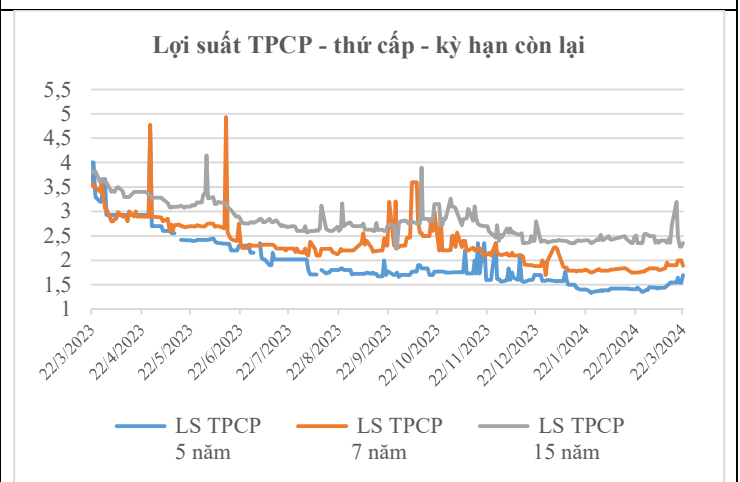
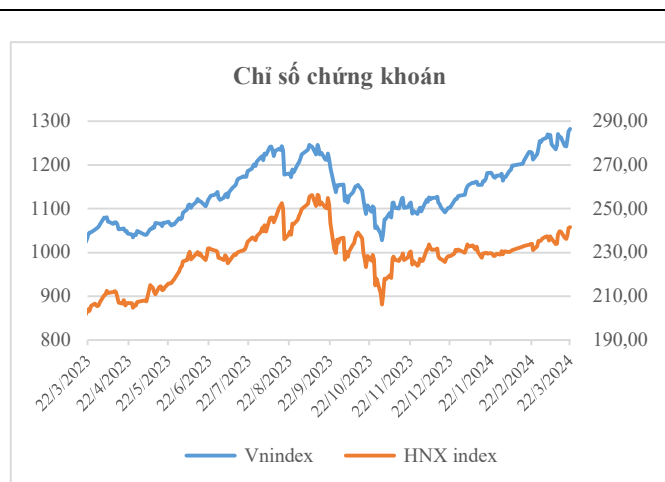


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 12 (18-22/3/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	01/05/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	11/04/2024
BOJ	Nhật Bản	0.10%	0.00%	19/03/2024	NA
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55%	22/08/2022	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	07/05/2024
BoE	Anh	5.00%	4.50%	22/06/2023	09/05/2024
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25%	13/01/2023	12/04/2024
BI	Indonesia	6.00%	5.75%	19/10/2023	25/04/2024
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	09/05/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	10/04/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	15/04/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	108.157	-0.50%	-0.28%	0.19%
GBPUSD	126.116	-0.90%	-0.55%	2.68%
AUDUSD	0.65285	-0.44%	-0.15%	-1.79%
USDJPY	151.233	1.41%	0.37%	14.96%
USDCNY	724.203	0.51%	0.45%	5.23%
USDCAD	135.978	0.49%	0.67%	-0.46%
USD RUB	921.205	-0.43%	-1.60%	21.22%
USDKRW	1338.65	0.18%	0.50%	3.13%
DXY	104.345	0.88%	0.49%	1.44%
USDTHB	35.8600	1.39%	-0.36%	4.15%
USDSGD	134.680	0.60%	0.20%	1.19%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.2080	-0.13%	-0.09%	0.68%
United Kingdom	3.9680	-0.14%	-0.07%	0.61%
Japan	0.7180	-0.04%	0.03%	0.43%
Australia	4.0180	-0.12%	-0.11%	0.83%
Germany	2.3190	-0.12%	-0.04%	0.13%
China	2.3170	-0.02%	-0.08%	-0.56%
Singapore	3.0790	-0.03%	0.01%	0.19%
South Korea	3.3570	-0.08%	-0.04%	0.10%
Taiwan	1.4300	0.17%	0.20%	0.20%
Thailand	2.5550	0.02%	-0.02%	0.25%
Vietnam	2.6360	0.01%	0.21%	-1.24%
Hong Kong	3.8270	-0.02%	-0.05%	0.82%
Indonesia	6.6570	0.01%	0.09%	-0.19%
Malaysia	3.8840	0.00%	-0.01%	-0.11%
Philippines	6.2260	-0.01%	-0.10%	-0.03%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 W	+/_ % 1 M	+/_ % YTD	+/_ % 1Y	+/_ % 3 Y
Dow Jones	+1.77%	+1.04%	+4.74%	+22.45%	+19.36%
S&P 500	+1.65%	+3.25%	+9.74%	+31.81%	+31.69%
Nasdaq	+2.02%	+2.83%	+9.44%	+38.95%	+25.04%
DAX	+1.56%	+4.53%	+8.72%	+21.76%	+23.48%
FTSE 100	+2.70%	+3.21%	+2.56%	+7.10%	+17.66%
CAC 40	+0.05%	+2.80%	+8.07%	+16.21%	+36.12%
Euro Stoxx 50	+0.96%	+3.42%	+11.25%	+21.78%	+30.10%
Nikkei 225	+2.09%	+3.41%	+21.24%	+48.15%	+39.06%
Shanghai	-1.26%	+2.32%	+2.40%	-6.72%	-10.89%
Hang Seng	-1.06%	-0.46%	-2.86%	-16.85%	-41.56%
SET	-0.35%	-1.22%	-2.46%	-13.24%	-12.31%
KOSPI	+2.14%	+3.64%	+3.32%	+13.60%	-9.79%
IDX Com	+0.55%	+0.81%	+0.96%	+8.58%	+18.52%
PSEi	+0.09%	-0.46%	+6.35%	+3.90%	+4.81%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	81.094	-1.30%	5.19%	11.19%
Natural gas USD/MMBtu	16.607	-2.48%	-4.78%	-25.02%
Gasoline USD/Gal	27.471	-0.38%	7.41%	3.45%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2176.30	0.76%	7.18%	11.24%
Silver USD/t.oz	24.824	-0.82%	10.28%	7.51%
Lithium CNY/T	114500	0.88%	19.90%	-58.59%
Platinum SD/t.oz	903.60	-1.36%	2.29%	-7.37%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	40.362	1.01%	-1.90%	5.66%
Steel CNY/T	3587.00	-0.69%	3.25%	-4.04%
Iron Ore USD/T	111.50	0.00%	8.78%	-9.72%
Aluminum USD/T	2306.50	-0.11%	1.27%	5.80%
Tin USD/T	27727	-0.52%	-3.30%	5.10%
Zinc USD/T	2480.50	-0.14%	-3.14%	3.14%
Nikel USD/T	17045	-1.68%	-4.74%	-1.31%
Coal USD/T	131.50	-2.95%	10.27%	-24.86%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 23/3/2024

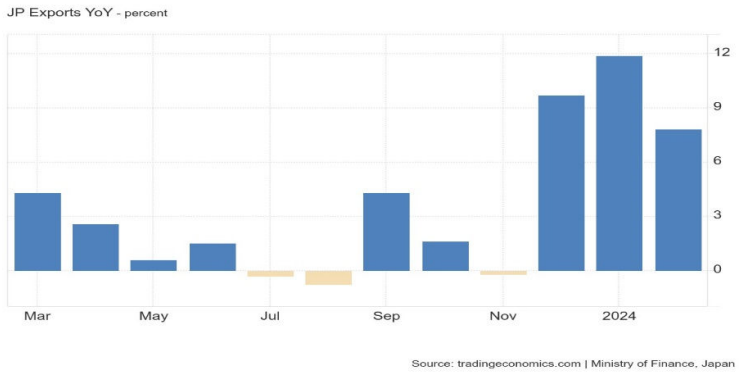
B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

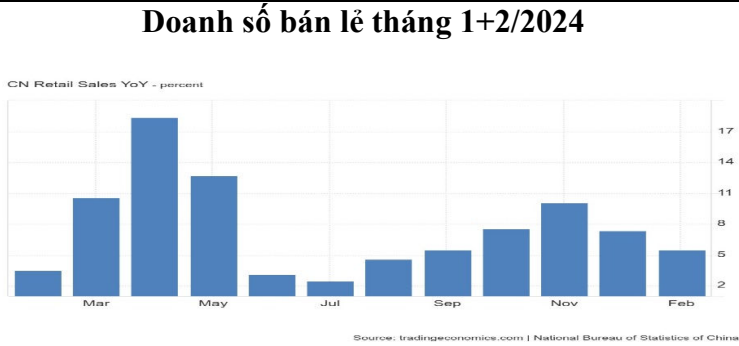
<p>Tăng trưởng kinh tế toàn cầu</p> <p>Mỹ: GDP 2024 dự báo đạt 2,1% Theo Báo cáo kinh tế cập nhật hàng quý của Fed, một số chỉ số kinh tế vĩ mô được dự báo: - GDP sẽ đạt mức tăng trưởng 2,1% trong năm nay, cao gấp rưỡi so với mức dự báo tăng 1,4% đưa ra trong lần cập nhật vào tháng 12/2023, đồng thời cao hơn so với tiềm năng tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế. - Tỷ lệ thất nghiệp được dự báo chỉ tăng lên mức 4% vào cuối năm, hầu như không thay đổi nhiều so với mức 3,9% hiện nay. - Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) được dự báo tiếp tục giảm tốc, dù đã giảm có chậm lại, để đến cuối năm 2024 ở mức 2,6%, mức dự báo lạm phát này cao hơn con số 2,4% mà Fed đưa ra hồi tháng 12/2023.</p>	<p>Lãi suất cấp vốn liên bang tháng 7/2020-3/2024</p> <p>2024 Mar 20 5.25-5.5%</p> <p>6% 5 4 3 2 1 0</p> <p>2005 2010 2015 2020</p>
<p>Khu vực EURO: Lạm phát giảm tốc xuống mức thấp nhất 3 tháng Lạm phát giá tiêu dùng (CPI) tháng 2 đang ở mức thấp nhất 3 tháng qua nhưng vẫn cao hơn mức mục tiêu 2% của ECB. YoY: +2,6%/2,8% MoM: +0,6%/-0,4% CPI lõi: 3,1% - mức thấp nhất kể từ tháng 3/2022.</p> <p>Cán cân thương mại chuyển thặng dư Số liệu tháng 1/2024 cho thấy khu vực EURO đạt mức thặng dư thương mại 11,4 tỷ EURO so với con số thâm hụt 32.6 tỷ EURO cùng kỳ năm trước: Xuất khẩu: +1,3% yoy đạt gần 226 tỷ EURO Nhập khẩu: - 16,1% còn 214,5 tỷ EURO.</p>	<p><i>Nguồn: BLS/Fed/Tradingeconomics</i></p> <p>Lạm phát thấp nhất 3 tháng qua</p> <p>6.5 5.6 4.7 3.8 2.9</p> <p>Mar May Jul Sep Nov 2024</p>
<p>Nhật Bản: Cả lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm (JGB) và đồng Yên (JPY) đều giảm dù NHTW đảo chiều chính sách JGB lợi suất giảm xuống còn 0,73% và đồng JPY xuống giá ở ngưỡng 150 JPY/USD ngay sau cuộc họp, trong tuần đã có lúc lên trên 151.</p> <p>Sản lượng công nghiệp (IP) giảm tháng thứ 3 liên tiếp IP tháng 1/2024 giảm 6,7% mom, tháng trước tăng 1,2%; so với cùng kỳ năm trước giảm 1,5% - tháng giảm thứ 3 liên tiếp.</p>	<p><i>Nguồn: Eurostat/Tradingeconomics</i></p> <p>Sản lượng công nghiệp giảm 3 tháng liên tiếp</p> <p>JP Industrial Production Mom - percent</p> <p>4 2 0 -2 -4 -6</p> <p>Mar May Jul Sep Nov 2024</p> <p>Source: tradingeconomics.com Ministry of Economy Trade & Industry (METI)</p> <p>Xuất khẩu vượt dự báo</p>

Thương mại hàng hóa hồi phục rõ rệt hơn
 Hoạt động xuất nhập khẩu tháng 2/2024 đã có nhiều tín hiệu tích cực hơn:
Xuất khẩu: +7,8% yoy – tăng tháng thứ 3 liên tiếp, đạt 8.250 tỷ Yên, vượt dự báo.
Nhập khẩu: +0,5% - tăng lần đầu tiên sau 11 tháng.
 Thâm hụt thương mại được thu hẹp mạnh còn 379 nghìn tỷ Yên so với tháng trước 930 nghìn tỷ Yên.



Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Trung Quốc:
Doanh thu bán lẻ tăng vượt dự báo
 Trong 2 tháng 1&2/2024, doanh số bán lẻ tăng 5,5% yoy, vượt dự báo 5,2%.
Sản lượng công nghiệp (IP) vượt dự báo
 IP tháng 1&2/2024 tăng 7% yoy, cao hơn so với mức 6,8% của tháng 12/2023 và vượt dự báo chỉ 5%. Đây cũng là mức tăng mạnh nhất trong 2 năm qua.
 Cả năm 2023, IP tăng 4,6%.
Thất nghiệp tăng 5,3% trong giai đoạn tháng 1&2/2024 – đây là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 7/2023.
 Mục tiêu thất nghiệp của Chính phủ là 5,5% và tạo ra khoảng 12 triệu việc làm mới ở đô thị.



Nguồn: NBSC/Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới tuần qua
Giá vàng thế giới có tuần tăng giá
 Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/03/2024, hợp đồng vàng giao ngay giảm 0,7% xuống 2.166,57 USD/oz. Giá vàng đã lập kỷ lục vào ngày 21/03 sau khi Fed cho biết vẫn có ý định hạ lãi suất 3 đợt trong năm nay.
 Hợp đồng vàng tương lai giảm 1,1% còn 2.160 USD/oz.
 Goldman Sachs nâng dự báo giá vàng trung bình trong năm 2024 từ 2.090 USD/oz lên 2.180 USD/oz, có thể tăng lên 2.300 USD/oz vào cuối năm 2024.

Giá dầu thị trường quốc tế
 Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu Brent giảm 35 cent còn 85.43 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI giảm 44 cent xuống 80.63 USD/thùng.
 Cả 2 hợp đồng dầu đều ghi nhận mức thay đổi không tới 1% trong tuần này.



Nguồn: OPEC/Kitco/Oilprice.com

II. Thị trường tài chính	
NHTW các nước	
<p>FED: Có thể có 3 đợt cắt giảm lãi suất trong năm 2024 Trong phiên họp chính sách ngày 20/3/2024, Fed quyết định duy trì lãi suất cấp vốn liên bang ở mức 5,25%-5,5% - mức cao nhất trong 23 năm qua, được áp dụng từ tháng 7/2023.</p>	<p>Fed dự báo sẽ có 3 đợt hạ lãi suất trong năm 2024, với mỗi đợt giảm 25 điểm cơ bản; sau đó sẽ tiếp tục giảm lãi suất 3 lần trong năm 2025, hướng đến việc đưa lãi suất chuẩn về 2,6% - mức được coi là “trung lập”, không kích thích cũng không kìm hãm nền kinh tế.</p> <p style="text-align: right;"><i>Nguồn: Bloomberg/Fed</i></p>
<p>BOJ: Lần đầu tăng lãi suất sau 17 năm Ngày 19/3/2024, NHTW Nhật Bản (BOJ) nâng lãi suất từ -0,1% lên 0%-0,1%, chấm dứt thời kỳ dài áp dụng lãi suất âm từ 2016. BOJ cũng chấm dứt chính sách kiểm soát đường cong lợi suất (YCC) với trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm. Đây là loại trái phiếu được NHTW dùng để kiểm soát lãi suất kỳ hạn dài.</p>	<p>Đồng thời, BOJ sẽ ngừng mua chứng chỉ quỹ ETF và chứng chỉ quỹ tín thác đầu tư bất động sản Nhật Bản (REIT), giảm dần việc mua trái phiếu doanh nghiệp và sẽ ngừng mua trong 1 năm. Thị trường tài chính hiện có những đánh giá khác nhau về tốc độ thắt chặt chính sách của BoJ: - UBS dự báo lãi suất chính sách của BoJ được giữ ở mức 0 hoặc 0,1% cho đến năm 2025. - Morgan Stanley dự báo lãi suất chính sách sẽ tăng lên mức 0,25% vào tháng 7/2024.</p> <p style="text-align: right;"><i>Nguồn: BOJ/Reuters</i></p>
<p>PBoC: Giữ nguyên lãi suất cho vay ngắn hạn 1 năm Đây là những mức lãi suất thấp kỷ lục mà PBoC áp dụng nhằm vực dậy tình trạng suy giảm kinh tế đang đối mặt với những cơn gió ngược từ khủng hoảng bất động sản và niềm tin tiêu dùng.</p>	<p>Trong phiên họp chính sách tháng 3/2024, NHTW Trung Quốc (PBoC) quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay chính sách kỳ hạn 1 năm (LPR) ở mức 3,45%. Đồng thời cũng duy trì mức lãi suất 3,95% với các khoản cho vay cầm cố, kỳ hạn 5 năm, tháng 2/2024, PBoC đã cắt giảm 25 điểm cơ bản với lãi suất này. PBoC cũng phát tín hiệu có thể cắt giảm nữa tỷ lệ dự trữ bắt buộc.</p> <p style="text-align: right;"><i>Nguồn: PBoC/Reuters</i></p>
B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC	
I. KINH TẾ VĨ MÔ	
<p>Chính phủ yêu cầu khẩn trương thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ thị trường vàng Mục tiêu nhằm bảo đảm ổn định, bình ổn, an toàn thị trường vàng, góp phần hạn chế tình trạng vàng hóa nền kinh tế; đồng thời, bảo đảm an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia và phát triển thị trường vàng an toàn, lành mạnh, hiệu quả, bền vững. (Công điện số 1426/CD-TTg ngày 27/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp quản lý thị trường vàng và Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 21/12/2022 của Văn phòng Chính phủ...)</p>	<p>Công điện số 23/CD-TTg ngày 20/3/2024 yêu cầu tăng cường các biện pháp quản lý thị trường vàng, theo đó Thủ tướng giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, bảo vệ pháp luật và cơ quan chức năng liên quan khẩn trương xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng... Công điện yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục theo dõi sát diễn biến giá vàng thế giới và trong nước để khẩn trương thực hiện ngay các giải pháp theo quy định để bình ổn, ổn định thị trường vàng; đánh giá toàn diện, phân tích kỹ lưỡng và có các giải pháp hiệu quả, kịp thời, đúng quy định, theo nguyên tắc thị trường để xử lý ngay tình trạng chênh lệch giữa giá vàng miếng trong nước và vàng quốc tế ở mức cao trong thời gian qua, không để tình trạng "vàng hóa" nền kinh tế, không để tác động tiêu cực đến tỷ giá, lãi suất, thị trường tiền tệ, ngoại hối và an toàn, an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia...</p> <p style="text-align: right;"><i>Nguồn: Chinhphu.vn</i></p>

<p>Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa kỳ 1 tháng 3/2024 thặng dư 1,16 tỷ USD</p> <p>Theo số liệu Tổng cục Hải quan mới công bố, kỳ 1 tháng 3/2024, cán cân thương mại hàng hóa cả nước thặng dư 1,16 tỷ USD, lũy kế từ đầu năm đến hết 15/03 thặng dư 6,17 tỷ.</p>	<p>Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu từ 01-15/03 đạt 16,67 tỷ USD, nhập khẩu đạt 15,51 tỷ. Kim ngạch xuất khẩu từ 01/01-15/03 đạt 75,88 tỷ USD, nhập khẩu đạt 69,71 tỷ. Lũy kế tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước từ đầu năm đến hết 15/03 đạt 145,59 tỷ USD, tăng 18,41% so với cùng kỳ năm 2023.</p>
	<p><i>Nguồn: Tổng cục Hải quan</i></p>
<p>Gói tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư cũ với lãi suất giảm 1,5 - 2,0%/năm so với lãi suất cho vay trung, dài hạn bình quân của 4 ngân hàng thương mại Nhà nước:</p> <p>Bốn (4) ngân hàng thương mại Nhà nước là Agribank, VietinBank, BIDV và Ngân hàng Vietcombank mỗi ngân hàng tham gia 30.000 tỷ đồng. Mới đây có thêm TPBank đăng ký gói 5.000 tỷ đồng.</p>	<p>Như vậy, tổng cộng gói này có quy mô 125.000 tỷ đồng, với lãi suất giảm 1,5 - 2,0%/năm so với lãi suất cho vay trung, dài hạn bình quân của 4 ngân hàng thương mại Nhà nước. Đến tháng 3/2024, mới có 28/63 UBND tỉnh gửi văn bản hoặc công bố trên cổng thông tin điện tử về danh mục dự án tham gia Chương trình này với 68 dự án; trong đó có 30 dự án có nhu cầu vay vốn; các dự án còn lại không có nhu cầu vay vốn do đã hoàn thành hoặc đã thu xếp nguồn vốn khác. Trong số 30 dự án có nhu cầu vay vốn, các ngân hàng thương mại đã cam kết cấp tín dụng cho 15 dự án với số tiền là khoảng 7.000 tỷ đồng.</p>
	<p><i>Nguồn: NHNN</i></p>
<p>Standard Chartered dự báo tăng trưởng GDP quý I của Việt Nam đạt 6,1%</p> <p>Theo đó, Standard Chartered dự báo, tăng trưởng GDP quý I/2024 của Việt Nam duy trì ở mức vừa phải, đạt 6,1% so với cùng kỳ năm ngoái (mức 6,7% hồi quý IV/2023).</p>	<p>Theo Standard Chartered, dữ liệu tháng 3 có dấu hiệu phục hồi sau dịp Tết Nguyên Đán, nhờ doanh số bán lẻ. Tăng trưởng doanh số bán lẻ trong tháng được dự báo ở mức 9,2% (so với cùng kỳ năm ngoái); tăng trưởng xuất khẩu được dự báo hồi phục ở mức 5,2%; tăng trưởng nhập khẩu đạt mức 5,0%. Thặng dư thương mại có thể thu hẹp xuống 0,8 tỷ USD.</p> <p>Lạm phát trong tháng 3 có thể tăng lên mức 4,2% so với cùng kỳ (từ mức 4,0% trong tháng 2). Giá dịch vụ giáo dục, nhà ở (vật liệu xây dựng) và thực phẩm đã thúc đẩy lạm phát trong thời gian gần đây. Để nguồn FDI phục hồi mạnh mẽ thì sẽ cần tăng trưởng GDP nhanh hơn.</p>
	<p><i>Nguồn: Standard Chartered</i></p>
<p>II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ</p>	
<p>2.1. Thị trường tiền tệ</p>	
<p>Tuần 12 (18/03-22/03/2024)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất VND liên ngân hàng có xu hướng giảm nhẹ, và duy trì thấp với kỳ hạn qua đêm. - NHNN hút ròng 69.699,9 tỷ đồng từ thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở, khối lượng tín phiếu NHNN lưu hành đứng ở mức 144.698,8 tỷ đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần 18-22/3, lãi suất VND liên ngân hàng giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn. Chốt ngày 22/3, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 0,20% (-0,66 điểm phần trăm); 1 tuần 0,48% (-0,61 điểm phần trăm); 2 tuần 1,20% (-0,24 điểm phần trăm); 1 tháng 1,76% (-0,28 điểm phần trăm). - Trên thị trường mở tuần 18-22/3, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 15.000 tỷ đồng, lãi suất ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.
	<p><i>Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp</i></p>
<p>2.2. Thị trường ngoại hối</p>	

<p>Tuần 12(18/03-22/03/2024)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng. - Chỉ số USD Index về quanh mốc 104 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường ngoại tệ trong tuần 18-22/3, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng tăng. Chốt ngày 22/3, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.003 VND/USD, tăng 24 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. - Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua ở mức 23.400 VND/USD, trong khi giá bán USD cuối tuần được niêm yết ở mức 25.153 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. - Tỷ giá VND/USD liên ngân hàng trong tuần từ 18-22/3 tiếp tục tăng dần qua hầu hết các phiên. Kết thúc phiên 22/3, tỷ giá liên ngân hàng đóng cửa tại 24.770 VND/USD, tăng 50 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. 																																												
<p>2.3. Thị trường trái phiếu</p>	<p style="text-align: right;"><i>Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp</i></p>																																												
<p>Thị trường sơ cấp TPCP& TP CBLCP: Tuần 12(18/03-22/03/2024)</p> <p>Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là 6.095/13.500 tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ là hơn 45%.</p> <p>Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với tuần trước: 10 năm - lãi suất 2,39 % (<i>tăng 0,03 điểm %</i>); 15 năm - lãi suất 2,59 % (<i>tăng 0,03 điểm %</i>)</p> <p>Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 72.774 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.</p>	<p>Thị trường thứ cấp TPCP&TP CBLCP: Tuần 12(18/03-22/03/2024)</p> <p>Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 9.154 tỷ đồng/phiên, tăng 3.84% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:</p> <table border="1" data-bbox="824 890 1414 1199"> <tr><td>6 tháng</td><td>tăng</td><td>1.5</td><td>điểm%</td></tr> <tr><td>1 năm</td><td>tăng</td><td>1.3804</td><td>điểm%</td></tr> <tr><td>2 năm</td><td>tăng</td><td>1.4999</td><td>điểm%</td></tr> <tr><td>5 năm</td><td>tăng</td><td>0.1501</td><td>điểm%</td></tr> <tr><td>7 năm</td><td>giảm</td><td>0.0098</td><td>điểm%</td></tr> <tr><td>10 năm</td><td>giảm</td><td>0.3</td><td>điểm%</td></tr> <tr><td>15 năm</td><td>giảm</td><td>0.37</td><td>điểm%</td></tr> <tr><td>30 năm</td><td>tăng</td><td>3.18</td><td>điểm%</td></tr> </table> <p>Tuần qua NĐT NN bán ròng 552.32 tỷ đồng</p> <table border="1" data-bbox="786 1272 1455 1455"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th> <th>Mua/Bán (tỷ VNĐ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tuần 12(18/03-22/03/2024)</td> <td>-552.32</td> </tr> <tr> <td>Tháng 12-2023</td> <td>-195</td> </tr> <tr> <td>Q4 - 2023</td> <td>-142</td> </tr> <tr> <td>Năm 2022</td> <td>-8,065</td> </tr> <tr> <td>Năm 2021</td> <td>10,886</td> </tr> </tbody> </table>	6 tháng	tăng	1.5	điểm%	1 năm	tăng	1.3804	điểm%	2 năm	tăng	1.4999	điểm%	5 năm	tăng	0.1501	điểm%	7 năm	giảm	0.0098	điểm%	10 năm	giảm	0.3	điểm%	15 năm	giảm	0.37	điểm%	30 năm	tăng	3.18	điểm%	Thời gian	Mua/Bán (tỷ VNĐ)	Tuần 12(18/03-22/03/2024)	-552.32	Tháng 12-2023	-195	Q4 - 2023	-142	Năm 2022	-8,065	Năm 2021	10,886
6 tháng	tăng	1.5	điểm%																																										
1 năm	tăng	1.3804	điểm%																																										
2 năm	tăng	1.4999	điểm%																																										
5 năm	tăng	0.1501	điểm%																																										
7 năm	giảm	0.0098	điểm%																																										
10 năm	giảm	0.3	điểm%																																										
15 năm	giảm	0.37	điểm%																																										
30 năm	tăng	3.18	điểm%																																										
Thời gian	Mua/Bán (tỷ VNĐ)																																												
Tuần 12(18/03-22/03/2024)	-552.32																																												
Tháng 12-2023	-195																																												
Q4 - 2023	-142																																												
Năm 2022	-8,065																																												
Năm 2021	10,886																																												
<p>Thị trường TPDN:ên/12/2023, trong đó</p>	<p>Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 16.753 tỷ VND (Khối lượng 49.551), Lũy từ khi có sản giao dịch đạt giá trị 204.680 tỷ VND (KL đạt 653.771).</p>																																												
	<p style="text-align: right;"><i>Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp</i></p>																																												
<p>2.4. Thị trường cổ phiếu</p>																																													
<p>Thị trường chứng khoán:</p> <p>Trong tuần qua các chỉ số tăng, thanh khoản các sản đạt bình quân 33.763 tỷ đồng/phiên.</p> <p><i>VN-Index</i> ở phiên cuối tuần là 1281,80 điểm (+18,02 điểm; +1,43%) và <i>HNX-Index</i> đóng cửa ở 241,68 điểm (+2,14 điểm; +0,89%) so với phiên cuối tuần trước.</p>	<p>Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 22/03/2024 là 66,0%, tăng 6,13 điểm % so với cuối năm 2023.</p> <p>Tuần qua, khối ngoại đã bán ròng trên 3 sản hơn 3.113 tỷ VND cổ phiếu.</p> <p>Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sản hơn 6.812 tỷ VND cổ phiếu.</p>																																												

Theo VNDIRECT, chỉ số VN-Index có thể duy trì quán tính đi lên trong tuần tới và hướng tới vùng kháng cự tâm lý quanh 1.300 điểm (+/-10 điểm).	1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 22/03/2024: 6,732 triệu tỷ VND; 2. GDP TCTK năm 2023: 10,207,3 triệu tỷ VND.
	<i>Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp</i>

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
TTCP	Công điện số 23/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về tăng cường các biện pháp quản lý thị trường vàng	20/3/2024	20/3/2024	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/3/23-ttg.signed.pdf
TTCP	Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã ký Quyết định 236/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	19/3/2023	19/3/2024	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/3/236-ttg.signed.pdf
TTCP	Phó Thủ tướng Lê Minh Khái ký Quyết định số 234/QĐ-TTg chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Dốc Đá Trắng, tỉnh Khánh Hòa	18/3/2024	18/3/2024	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/3/234-ttg.signed.pdf

II. VĂN BẢN DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư quy định các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	20/3/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqtpl
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam	20/3/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqtpl
BTC	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	21/3/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqtpl
NHNN	Dự thảo Thông tư quy định quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng	22/3/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqtpl

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng			
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2018/TT-NHNN quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	22/3/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpl
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2018/TT-NHNN quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	22/3/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpl

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA